

## CHÍNH SÁCH BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG

## Mục Lục

Câu 1: Hãy trình bày khái niệm và đặc điểm của đại dương thế giới.....	2
Câu 2: Trình bày các thành phần chính của địa hình đáy đại dương .....	3
Câu 3: Trình bày khái niệm biển và cách phân loại.....	3
Câu 4: Trình bày khái niệm vịnh, eo biển và nêu các ví dụ minh họa.....	4
Câu 5: Trình bày sự ra đời và 1 số nội dung quan trọng của công ước luật biển 1982 .....	4
Câu 6: Hãy trình bày tầm nhìn chiến lược cho thế kỉ 21 của mỹ .....	5
Câu 7: Trình bày nội dung chính khung chính sách biển quốc gia của Mỹ ? .....	7
Câu 8: Trình bày nội dung chính trong chính sách biển của Mỹ về chiến lược phát triển thông tin khoa học và giáo dục .....	7
Câu 9: Trình bày nội dung cơ bản của chính sách biển và đại dương của trung quốc .....	7
Câu 10: Hãy nêu ý nghĩa việc phê chuẩn công ước luật biển 1982 đối với Việt Nam.....	8
Câu 11: Trình bày nội dung chủ yếu của việc phát triển kinh tế biển trong luật biển Việt Nam ....	9
Câu 12: Trình bày thuận lợi trong phát triển kinh tế biển của Việt Nam.....	10
Câu 13: Trình bày tóm tắt chính sách và chiến lược của Việt Nam đối với biển, đại dương.....	10
Câu 14: Trình bày thực trạng và giải pháp của Việt Nam trong bảo vệ môi trường và sinh thái biển, đảo.....	12
Câu 15: Trình bày nội dung chính sách của chính sách biển và đại dương phát triển theo định hướng kinh tế xanh lam của Việt Nam .....	13

## Câu 1: Hãy trình bày khái niệm và đặc điểm của đại dương thế giới

a, khái niệm đại dương thế giới

- Đại dương là 1 vùng nước lớn chứa nước mặn tạo thành thành phần cơ bản của thủy quyển . Diện tích bề mặt trái đất bằng 510 triệu km vuông , trong đó 361 triệu km vuông là mặt nước của biển và đại dương , 149 triệu km vuông do đất liền chiếm chỗ , tức là diện tích bề mặt nước gấp hơn 2,5 lần so với đất liền
- Sự phân bố không đồng đều giữa đất liền và nước theo bán cầu là một đặc điểm điển hình của trái đất . một đặc điểm nữa là đất liền bao gồm nhưng lục địa riêng biệt , không liền kề nhau , còn nước đại dương và biển thì lưu thông với nhau nhờ các eo biển tạo thành 1 không gian nước liên tục , được gọi là đại dương thế giới hay đại dương toàn cầu . khái niệm về đại dương toàn cầu như là 1 khối nước liên tục với sự trao đổi tự do giữa các bộ phận của nó có tầm quan trọng nền tảng cho hải dương học . đại dương thế giới được chia từ các cơ sở sau: hình dáng đường bờ và các lục địa và đảo, địa hình đáy , mức độ biệt lập của các hải lưu và thủy triều, , mức độ biệt lập của các hoàn lưu khí quyển , đặc điểm phân bố theo phương ngang và phương thẳng đứng của nhiệt độ và độ mặn

B, đặc điểm đại dương thế giới

- Nước đại dương luôn chuyển động do tác động của thủy triều , gây ra bởi lực hấp dẫn của mặt trời và mặt trăng đối với trái đất , song và hải lưu do tác dụng của gió
- Do độ che phủ bề mặt trái đất tới 71% nên các đại dương có ảnh hưởng lớn tới sinh quyển . sự bốc hơi nước của các đại dương quyết định phần lớn lượng giáng thủy mà trái đất nhận được , nhiệt độ nước của đại dương cũng quyết định phần lớn khí hậu và kiểu gió trên trái đất . sự sống trong lòng đại dương có lịch sử tiến hóa diễn ra khoảng 3 tỉ năm trước khi có sự di chuyển của động thực vật lên trên đất liền
- Về mặt địa chất đại dương là nơi mà lớp vỏ đại dương được nước che phủ . lớp vỏ đại dương dày trung bình 4,5km , bao gồm 1 lớp trầm tích mỏng che phủ trên lớp badan núi lửa mỏng đã đông cứng . lớp badan này che phủ lớp peridotite thuộc mặt ngoài của lớp phủ trái đất tại nhưng nơi không có châu lục nào
- Diện tích của đại dương thế giới là khoảng 361 triệu km vuông , dung tích của nó khoảng 1,3 tỉ km khối và độ sâu trung bình khoảng 3790m. gần 1 nửa nước của đại dương thế giới nằm sâu dưới 3000m. sự mở rộng khổng lồ của đại dương sâu che phủ khoảng 66% bề mặt trái đất . nó không bao gồm các biển không nối với đại dương thế giới , chẳng hạn như biển Caspi
- Tổng khối lượng của thủy quyển là  $1,4 \cdot 10^{21}$  kg , chiếm khoảng 0,023% khối lượng trái đất. dưới 2% là nước ngọt, phần còn lại là nước mặn chủ yếu trong các đại dương
- Nước biển có màu xanh lam do nguyên nhân chủ yếu là sự hấp thụ các hạt nhân các phân tử từ nước đối với các photon màu đỏ từ ánh sáng chiếu tới

## Câu 2: Trình bày các thành phần chính của địa hình đáy đại dương

Đáy đại dương thế giới theo độ sâu được chia ra làm 4 phần chính : cao nguyên lục địa, sườn lục địa, đáy đại dương, và các vực sâu của đáy

- Cao nguyên lục địa, thềm lục địa
  - + phần dưới nước ít nhất của đại dương và của biển , nối liền trực tiếp với lục địa , là bình địa lượn sóng hoặc nhấp nhô mở rộng về phía đại dương , có độ sâu trung bình từ 0 đến 200m và có độ dốc so với đáy <math>< 1,2^\circ</math> . cả vùng cao nguyên đại dương chiếm 28 triệu km vuông hoặc là 8% tổng diện tích của đáy
  - + địa hình cao nguyên lục địa liên quan chặt chẽ với địa hình tiếp giáp nó . các bờ núi cao, cao nguyên lục địa thường hẹp , càng ra xa bờ độ sâu càng tăng nhanh , còn ở các bờ phẳng và thấp thì nó trải rộng ra đại dương và độ sâu tăng chậm . đồng thời ở đây thường có các thung lũng ngầm . dạng của cao nguyên lục địa thường ảnh hưởng lớn đến sóng và dòng chảy của biển
  - + trên cao nguyên lục địa gặp được các dạng địa hình đầy riêng biệt mà chúng có thể là vùng nguy hiểm lớn về hàng hải ( doi cát, đá ngầm,...)
- Sườn lục địa phần dốc nghiêng 7-8 độ hoặc hơn với đáy đại dương , nằm ở độ sâu 200 đến 2500m . sườn lục địa chiếm 11% so với diện tích toàn đáy đại dương thế giới . địa hình sườn lục địa rất phức tạp: khá nhiều bậc xoắn và tương đối thoải , , có đỉnh cao, chỗ nhô lên, có khu sâu hẹp dài và cả chỗ trũng
- Đáy đại dương phần trung tâm rộng nhất của toàn diện tích dưới nước của đại dương thế giới, nằm ở độ sâu từ 2500 đến 6000m , chiếm gần 78% . địa hình này rất đa dạng và phức tạp: có bình nguyên rộng lớn , có các dãy núi cao, có đỉnh rải rác , có cao nguyên, có chỗ trũng, các rãnh,.. Ngoài ra đối với các đáy được đặc trưng 1 số dạng địa hình quy mô hành tinh. Chẳng hạn như tại các ranh giới giữa tất cả 4 đại dương , được phân bố bởi các dãy núi đồ sộ , khoanh so sánh được với trên đất liền
- Các vực sâu ở đáy: nhưng chỗ thấp hẹp dài của đáy đại dương, với chiều sâu từ 6 đến 10-11 nghìn mét.. bề rộng của chúng không quá 20-70km , còn độ dài đạt đến hàng nghìn km. chúng chiếm khoảng 3% diện tích đáy của đại dương thế giới , thường nằm ở gần các lục địa hoặc gần các chuỗi đảo với cường độ hoạt động địa chấn cao . các khe ngầm ở các đại dương và biển thống kê gần 30 khe ngầm , trong đó phần lớn nằm ở thái bình dương

## Câu 3: Trình bày khái niệm biển và cách phân loại

- Biển nói chung là 2 vùng nước mặn rộng lớn nối liền với các đại dương hoặc là các hồ lớn chứa nước mặn mà không có đường thông ra đại dương 1 cách tự nhiên như biển Caspi , biển Chết. thuật ngữ này đôi khi cũng được sử dụng với 1 số hồ nước ngọt khép kín hoặc có đường thông tự nhiên ra biển cả
- Tùy theo mức độ tách biệt và đặc điểm chế độ thủy văn của biển cả mà người ta chia chúng ra làm 3 nhóm
  - + biển nội lục địa được bao quanh tất cả là đất liền ăn thông với đại dương hay biển chỉ 1 hoặc 1 số eo biển . chúng có đặc trưng bởi độ tách biệt cao của các điều kiện tự nhiên , bởi độ khép kín của hoàn lưu nước tầng mặt và độ độc lập lớn trong sự phân bố độ mặn và nhiệt độ

+biển ven lục địa : nằm không xa đất liền và được tách biệt bởi các đại dương nhờ các bán đảo và hải đảo , lục địa và đại dương có ảnh hưởng như nhau đến sự hình thành các hệ thống dòng chảy , đến sự phân bố độ muối và nhiệt độ nước

+ biển ở giữa các đảo: được bao bọc thành vòng cung bởi các hải đảo

#### Câu 4: Trình bày khái niệm vịnh, eo biển và nêu các ví dụ minh họa

- Vịnh là 1 phần của đại dương hay biển , ăn sâu vào đất liền . theo hình dạng và kích thước vịnh có nhiều tên gọi khác nhau như vịnh, vũng, fior  
Ví dụ vịnh biskai, bengang, mehico ,...
- Eo biển là không gian nước tương đối hẹp , chia cắt đất liền ra từng phần và nối 2 biển nước lại với nhau

#### Câu 5: Trình bày sự ra đời và 1 số nội dung quan trọng của công ước luật biển 1982

- Sự ra đời: sau hơn 4 năm chuẩn bị và 9 năm đàm phán , ngày 10/12/1982 , công ước liên hợp quốc về luật biển năm 1982 được 107 quốc gia trong đó có VN kí tạo Jamaica Sau hiến chương liên hợp quốc, luật biển 1982 được đánh giá là văn kiện pháp lí quan trọng nhất kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ 2 , được nhiều quốc gia kí kết và tham gia. Công ước về luật biển 1982 có hiệu lực từ ngày 16/11/1994 . là 1 văn kiện pháp lí đa phương đồ sộ , bao gồm 320 điều khoản và 9 phụ lục với hơn 1000 quy phạm pháp luật , công ước luật biển 1982 đã đáp ứng nguyện vọng và mong đợi của cộng đồng quốc tế về 1 trật tự pháp lí quốc tế mới đối với tất cả các vấn đề về biển và đại dương bao gồm cả đáy biển và long đất dưới đáy biển
- Nội dung chính

+ quốc gia ven biển thực hiện đầy đủ đối với vùng lãnh hải mà họ có quyền thiết lập với chiều rộng không quá 12 hải lí . tuy vậy chủ quyền này không phải là tuyệt đối vì tàu thuyền nước ngoài được phép đi qua không gây hại trong vùng lãnh hải. tàu thuyền và máy bay được phép đi qua cảnh qua các dải hẹp , eo biển được sử dụng cho hàng hải quốc tế

+ ranh giới ngoài lãnh hải, đặc quyền kinh tế, và thềm lục địa được xác định dựa trên các quy tắc áp dụng cho lãnh thổ đất liền . quốc gia có biên giới với eo biển có thể điều tiết lưu thông hàng hải và các khía cạnh khác liên quan đến đi lại, lưu thông

+quốc gia quần đảo, được tạo thành bởi nhóm hoặc các nhóm đảo liên quan gần gũi và những vùng nước tiếp liền, sẽ có chủ quyền đối với vùng biển nằm trong các đường thẳng được vẽ bởi các điểm xa nhất của các đảo, vùng nước bên trong các đảo được gọi là vùng nước quần đảo và các quốc gia này có thể thiết lập các đường đi lại cho tàu thuyền và hàng không trong đó các quốc gia khác có quyền qua lại các quần đảo bằng các tuyến đường biển đã định

+ quốc gia ven biển có chủ quyền đối với vùng đặc quyền kinh tế rộng tối đa 200 hải lí , đối với tài nguyên thiên nhiên và 1 số hoạt động kinh tế và thực hiện quyền tài phán đối với các

hoạt động nghiên cứu khoa học và bảo vệ môi trường . các quốc gia khác có quyền tự do hàng hải và tự do đặt dây cáp ngầm và đường ống

+ quốc gia không có biển hoặc bất lợi về địa lí có quyền tham gia trên cơ sở công bằng trong việc khai thác khác một phần thích hợp trong số dư dồi của tài nguyên sống trong vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia ven biển trong cùng khu vực hoặc tiểu khu vực , các loài di cư như cá hoặc sinh vật biển được bảo vệ đặc biệt

+ quốc gia ven biển có chủ quyền đối với thềm lục địa trong việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của thềm lục địa . thềm lục địa có thể kéo dài ít nhất 200 hải lí tính từ bờ biển và kéo dài không quá 350 hải lí trong những điều kiện cụ thể . quốc gia ven biển chia sẻ với cộng đồng quốc tế phần lợi tức từ việc khai thác tài nguyên từ bất cứ khu vực nào trong thềm lục địa của quốc gia đó khi kéo dài quá 200 hải lí . ủy ban ranh giới thềm lục địa sẽ có ý kiến với quốc gia liên quan về ranh giới ngoài của thềm lục địa khi nó kéo dài quá 200 hải lí

+ tất cả các quốc gia đều có quyền tự do truyền thống về hàng hải, bay qua , nghiên cứu khoa học và đánh bắt cá trên vùng biển quốc tế. các quốc gia có trách nhiệm hợp tác với nhau trong việc thông qua các biện pháp để quản lí và bảo tồn các tài nguyên sống trên biển

+ quốc gia có chung biên giới với biển kín hoặc nửa kín cần hợp tác với nhau trong việc quản lí tài nguyên sống , có chính sách hoặc hoạt động về môi trường cũng như nghiên cứu khoa học . các quốc gia không có biển có quyền tiếp cận với biển và được tự do quá cảnh thông qua nước quá cảnh để ra biển . các quốc gia phải ngăn chặn và kiểm soát ô nhiễm môi trường và phải chịu trách nhiệm với những thiệt hại đã gây ra do sự vi phạm nghĩa vụ quốc tế của mình để kiềm chế những sự ô nhiễm đó

+ tất cả nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa phải có sự đồng ý của quốc gia ven biển . tuy vậy hầu như trong tất cả mọi trường hợp , quốc gia ven biển có trách nhiệm đồng ý với đề nghị của quốc gia khác khi việc nghiên cứu được tiến hành vì mục đích hòa bình và đã thực hiện 1 số yêu cầu chi tiết . các quốc gia cam kết tăng cường phát triển và chuyển giao kĩ thuật biển trong những điều kiện “ công bằng và hợp lí “ có tính đến đầy đủ những lợi ích hợp pháp

+ các quốc gia thành viên phải giải quyết bằng biện pháp hòa bình các tranh chấp liên quan đến việc hiểu và áp dụng công ước . các tranh chấp phải được trình lên tòa án quốc tế hoặc trọng tài . tòa án có quyền tài phán riêng biệt đối với những tranh chấp liên quan đến khai thác ở đáy biển

### **Câu 6: Hãy trình bày tầm nhìn chiến lược cho thế kỉ 21 của mỹ**

Ủy ban Hoa Kỳ về chính sách biển đã bắt đầu xây dựng tầm nhìn để phản ánh 1 tương lai mong đợi

- Trong tương lai, biển, vùng ven biển và Great Lakes sẽ sạch sẽ, an toàn phồn thịnh và được quản lý bền vững. chúng đóng góp quan trọng vào nền kinh tế, hỗ trợ sự đa dạng và lợi ích sử dụng như thực phẩm, phát triển năng lượng, tài nguyên khoáng sản, giải trí và du lịch, vận chuyển hành khách, hàng hóa và khám phá ra các sản phẩm y học, đồng thời để bảo đảm sự đa dạng sinh học cao và môi trường sống cho các loài sinh vật
- Trong tương lai các dải ven biển là nơi rất hấp dẫn để sống, để làm việc, để vui chơi với bãi biển và nước biển sạch sẽ, cộng đồng dễ dàng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ của biển, nền kinh tế ổn định và bền vững, các hải cảng nhộn nhịp, an toàn, các dịch vụ và giao thông đường xá đi lại thuận tiện, có sự bảo vệ đặc biệt cho các môi trường sống nhạy cảm và các loài bị đe dọa. các hiện tượng không mong muốn như đóng cửa bãi biển, sự bùng nổ của các loài tảo độc hại, sự sinh trưởng của các loài có hại và sự biến mất của các loài có ích sẽ hiếm khi xảy ra. Các quy hoạch sử dụng đất hiệu quả hơn sẽ được xây dựng, cải thiện công tác dự báo thời tiết và phòng tránh các hiểm họa thiên tai sẽ nâng cao chất lượng cuộc sống và tiết kiệm chi phí cho xã hội
- Trong tương lai, quản lý sự tác động của chúng ta đối với biển, bờ biển và Great Lakes cũng thay đổi. quản lý đường biên giới phối hợp với các vùng hệ sinh thái, chính sách trên cơ sở sự tương tác giữa các nhân tố của hệ sinh thái. Đối mặt với sự biến đổi khó lường của khoa học, các nhà quản lý phải giải quyết vấn đề tăng cạnh tranh và tiến lên phía trước với sự cẩn trọng. việc quản lý biển phải hiệu quả và phù hợp, cùng với việc phối hợp giữa các cấp chính quyền, các thành phần tư nhân và cộng đồng xã hội
- ủy ban xây dựng tầm nhìn cho tương lai khi tầm quan trọng của các dữ liệu đáng tin cậy và khoa học hoàn chỉnh đã được thừa nhận rộng rãi và hỗ trợ mạnh mẽ cho nghiên cứu kinh tế, xã hội, sinh học, vật lý cũng như việc thăm dò biển. nhà nước đầu tư các trang thiết bị cần thiết, đầy đủ, các tàu nghiên cứu cả nổi và ngầm được trang bị đầy đủ, hiện đại, các thiết bị được cải tiến có thể chịu đựng được điều kiện biến động của biển. một mạng lưới rộng khắp các trạm kiểm tra, giám sát sẽ cung cấp chuỗi các số liệu ổn định, và các khám phá mang tính khoa học sẽ được chuyển đổi thành các thông tin có ích và giúp các nhà kiến tạo chính sách, người điều khiển tàu, các nhà giáo dục cũng như cộng đồng
- trong tương lai đầy hi vọng nền giáo dục tốt là nền tảng của chính sách biển với Hoa Kỳ một lần nữa lại trở thành 1 quốc gia đứng đầu về thành tựu trong toán học, khoa học và kĩ thuật. một chương trình táo bạo để khám phá những góc khuất của biển và sự tham gia đồng thuận của tất cả các lứa tuổi. một lực lượng lao động năng động, sáng tạo, được đào tạo tốt, đa dạng, sáng tạo, phong phú sẵn sàng nghiên cứu về biển, tạo lập các chính sách thông thái, tiến bộ. một nhóm nhà giáo có sức ảnh hưởng, được là việc gần gũi với các nhà khoa học để học hỏi và giảng dạy những vấn đề về biển, về giá trị, về đẹp và vai trò của nó trong hành tinh. như là kết quả của công cuộc giáo dục lâu dài, tất cả cư dân sẽ là lực lượng quản lý tốt hơn nguồn tài nguyên quốc gia và môi trường biển
- cuối cùng tầm nhìn của ủy ban nhận thấy hoa kỳ như là 1 nhà lãnh đạo gương mẫu và là đối tác hoàn hảo của thế giới, trao đổi mạnh mẽ khoa học kĩ thuật, tư vấn chính sách, đặc biệt với quốc gia đang phát triển, để tạo ra sự thuận lợi cho công tác quản lý biển mang tầm quốc tế

**Câu 7: Trình bày nội dung chính khung chính sách biển quốc gia của Mỹ ?**

- cải thiện lãnh đạo và điều phối quốc gia
- củng cố phương pháp tiếp cận theo khu vực
- phối hợp quản lí vùng biển ngoài khơi
- củng cố cơ cấu tổ chức của các cơ quan liên bang
- thông tin khoa học đầy đủ cho các quyết định hợp lí
- đầu tư cho khoa học và thăm dò
- bắt đầu 1 kỉ nguyên mới về thông tin
- chuyển dữ liệu thành các thông tin có ích

**Câu 8: Trình bày nội dung chính trong chính sách biển của Mỹ về chiến lược phát triển thông tin khoa học và giáo dục**

- giáo dục một nền tảng cho thế hệ tương lai:
  - + cam kết mạnh mẽ về giáo dục để đảo ngược tình trạng mù kiến thức về khoa học và môi trường, tạo ra 1 lực lượng lao động mạnh mẽ, đa dạng, sản xuất được thông báo đến các nhà hoạch định chính sách , và phát triển 1 cách thức xử thế hợp với luân thường đạo lí trên phương diện quản lí mang tính quốc gia đối với biển, vùng ven biển và Great Lakes . Ủy ban đề nghị tất cả các cơ quan liên quan đến biển chịu trách nhiệm về việc thúc đẩy giáo dục và phổ biến , như 1 phần không thể thiếu trong nhiệm vụ của họ. giáo dục biển ở tất cả các cấp, cả chính thức và không chính thức , cần được tăng cường với mục tiêu của các dự án , được đánh giá và cải tiến liên tục
  - + văn phòng giáo dục biển quốc gia nên được thành lập , trực thuộc hội đồng biển quốc gia để thúc đẩy các cải tiến toàn quốc trong giáo dục biển . văn phòng giáo dục quốc gia như là 1 văn phòng liên ngành xây dựng chiến lược phối hợp quốc gia và cộng tác với chính quyền liên bang và địa phương với K-12 , trường đại học và các nhà giáo dục xuất sắc cung cấp 1 mô hình điển hình và nó sẽ được nhân rộng

**Câu 9: Trình bày nội dung cơ bản của chính sách biển và đại dương của trung quốc**

- chiến lược của TQ
  - xây dựng TQ trở thành cường quốc biển bằng nhiều hoạt động
  - + triển khai quyết liệt các hoạt động trên biển
  - + đẩy nhanh việc xây dựng cơ sở hạ tầng và tìm kiếm cứu nạn tại biển Đông để duy trì sự hiện diện lâu dài và tăng cường sự tồn tại hợp pháp ở biển Đông
  - + trên cơ sở luật bảo vệ biển đảo, TQ xây dựng chuyên ngành về bảo vệ các đảo có điểm cơ sở lãnh hải , bảo vệ các đảo san hô , cơ chế về quản lí đảo theo khu vực , cơ chế quản lí tổng hợp hệ sinh thái và tài nguyên thiên nhiên hải đảo

- + ban hành nhiều bộ luật về biển
- + đẩy mạnh mức độ quản lí, khai thác các đảo , bãi đá , vùng biển ; tăng cường việc xây dựng cơ sở hạ tầng ở các đảo, bãi đá , tích cực phát triển kinh tế biển
- + quyết định thành lập thành phố “ Tam Sa “ gồm quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa của VN và quần đảo Trung Sa
- mối quan hệ của TQ với các nước láng giềng trong vấn đề biển đảo
- + trung quốc đã thi hành những chính sách cường quyền với các nước láng giềng xung quanh. Chỉ từ đầu năm 2012 đến nay TQ đã liên tiếp dung mọi thủ đoạn để gây căng thẳng với hầu hết các nước có chung đường biên giới trên biển với mình
- + trong khu vực Đông Nam Á , TQ triển khai nhiều hoạt động gây tình hình căng thẳng ở biển Đông. Từ việc bắt giữ phạt nặng đánh đập ngư dân VN đang đánh cá ở khu vực quần đảo Hoàng Sa, TQ gây ra tranh chấp kéo dài với Philippin ở khu vực bãi cạn Scarborough cùng với 1 số hành động trừng phạt philippin về kinh tế . cùng với việc liên tiếp gây căng thẳng trên thực địa với các nước láng giềng , ở trong nước, TQ liên tiếp mở chiến dịch tuyên truyền rầm rộ vu cáo , đổ lỗi cho VN và Philipin gây ra tình trạng căng thẳng ở biển Đông, truyền thông TQ lớn tiếng đe dọa sẽ dạy cho VN và Philipin 1 bài học . mặt khác, TQ tìm cách chia rẽ sự đoàn kết nhất trí giữa các nước trong ASEAN
- + với các nước Đông Bắc Á , TQ thường xuyên cho tàu cá vi phạm vùng đặc quyền kinh tế , thềm lục địa của Hàn Quốc. đặc biệt TQ gây ra căng thẳng với nhật bản xung quanh quần đảo Senkaku, tàu hải giám, tàu ngư chính của TQ thường xuyên xâm phạm vùng biển của NB
- + với Nga, một nước láng giềng lớn của TQ mặc dù TQ không không dám đe dọa , uy hiếp nhưng cũng không tránh được những sự kiện phức tạp do TQ gây ra. Tàu cá của TQ liên tiếp vi phạm vùng đặc quyền kinh tế của Nga dẫn đến nhiều lần xảy ra va chạm giữa tàu cá TQ với cơ quan chức năng tuần tra của Nga
- mục tiêu của TQ
- + thứ nhất , Tq tìm cách ngăn chặn Mĩ và các cường quốc trên biển khác tiếp cận vùng nước lân cận quốc gia, gồm Hoàng Hải, Hoa Đông và Hoa Nam
- +thứ 2 , TQ tìm kiếm danh tiếng cũng như khả năng triển khai lực lượng trên các tuyến hàng hải ở Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương

### **Câu 10: Hãy nêu ý nghĩa việc phê chuẩn công ước luật biển 1982 đối với Việt Nam**

- tham gia công ước luật biển 1982 , VN là quốc gia ven biển , được thừa nhận có vùng lãnh hải rộng 12 hải lí, vùng đặc quyền kinh tế rộng 200 hải lí , thềm lục địa rộng ít nhất 200 hải lí và có thể mở rộng tới 350 hải lí tính từ đường cơ sở. diện tích các vùng biển



và thêm lục địa mà nước ta được hưởng theo quy định của công ước , khoảng gần 1 triệu km vuông , rộng gấp 3 lần diện tích lãnh thổ đất liền

- công ước luật biển 1982 đã trở thành cơ sở pháp lí vững chắc , quan trọng, được thừa nhận và luôn được viện dẫn trong các cuộc đấu tranh cam go , phức tạp để bảo vệ vùng biển và thêm lục địa , các quyền và lợi ích chính đáng của nước ta trên biển
- công ước luật biển 1982 cũng là cơ sở pháp lí chung cho việc phân định vùng biển và thêm lục địa chồng lấn giữa nước ta và các nước xung quanh biển Đông như campuchia, trung quốc, indo,malai,... góp phần tạo dựng sự hiểu biết, tin cậy lẫn nhau , tạo môi trường ổn định , hòa bình, hợp tác và phát triển trong biển đông

### **Câu 11: Trình bày nội dung chủ yếu của việc phát triển kinh tế biển trong luật biển Việt Nam**

Luật biển VN đã dành chương 4 cho phát triển kinh tế biển . việc phát triển kinh tế biển được thực hiện trên nguyên tắc:

- phục vụ xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của đất nước
- gắn với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền quốc gia , quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn trên biển
- Phù hợp với yêu cầu quản lí tài nguyên và bảo vệ môi trường ven biển
- gắn với phát triển kinh tế xã hội của các địa phương ven biển và hải đảo

Luật cũng khẳng định nhà nước ưu tiên tập trung phát triển các ngành kinh tế :

- + tìm kiếm, thăm dò khai thác, chế biến dầu khí và các loại tài nguyên, khoáng sản biển
- + vận tải biển, cảng biển , đóng mới và sửa chữa tàu thuyền , phương tiện đi lại trên biển và các dịch vụ hàng hải khác
- + du lịch biển và kinh tế đảo
- + khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản
- + phát triển, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học , công nghệ về khai thác và phát triển kinh tế biển
- + Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực biển

Quy hoạch và phát triển nền kinh tế biển được lập dựa trên các căn cứ chiến lược , định hướng, kết quả điều tra, giá trị tài nguyên, nguồn lực... theo đó nhà nước có chính sách đầu tư xây dựng , phát triển các khu kinh tế , cụm công nghiệp ven biển , kinh tế các huyện đảo theo quy hoạch , đảm bảo hiệu quả, phát triển bền vững. việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác , sử dụng tài nguyên biển thực hiện theo quy đhnh của chính phủ, đặc biệt:

+ nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, mạng lưới hậu cần biển, phát triển kinh tế các huyện đảo, có chính sách ưu đãi để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư sinh sống trên các đảo

+ nhà nước khuyến khích, ưu đãi về thuế, vốn, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức cá nhân đầu tư khai thác tiềm năng và thế mạnh phát triển trên các đảo

+ nhà nước khuyến khích, ưu đãi về thuế, vốn tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tăng cường hoạt động ngư nghiệp và hoạt động khác trên biển, đảo, bảo vệ hoạt động nhân dân trên biển, đảo

### Câu 12: Trình bày thuận lợi trong phát triển kinh tế biển của Việt Nam

- vị trí chiến lược của biển – nhân tố địa lợi đặc biệt của sự phát triển. VN nằm ở ngoài biển đông, án ngữ trên các tuyến hàng hải và hàng không huyết mạch thông thương giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, giữa châu Âu, Trung Cận Đông với Trung quốc, Nhật Bản và các nước trong khu vực, biển Đông đóng vai trò là chiếc cầu nối cực kì quan trọng, là điều kiện thuận lợi để giao lưu kinh tế nước ta với với các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương, khu vực phát triển kinh tế năng động và có 1 số trung tâm kinh tế của thế giới. sự ra đời của 1 loạt các nước công nghiệp mới, có nền kinh tế phát triển năng động nhất trong khu vực, những năm gần đây đã, đang và sẽ tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế VN, mà trước hết là thông qua vùng biển và ven biển
  - các nguồn tài nguyên biển có khả năng khai thác lớn, đóng góp quan trọng cho sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. trong đó phải kể đến dầu khí, một nguồn tài nguyên mũi nhọn, có ưu thế nổi trội nhất của vùng biển VN. Mặc dù so với nhiều nước, nguồn tài nguyên dầu khí chưa phải thật lớn, song đối với nước ta nó có vị trí rất quan trọng, đặc biệt trong giai đoạn khởi động nền kinh tế đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa
- khả năng phát triển cảng và vận tải biển là yếu tố trội cơ bản, là nguồn lực rất quan trọng để phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa. Dọc bờ biển đã xác định nhiều khu vực có thể xây dựng cảng, trong đó có 1 số nơi có khả năng xây dựng cảng sâu
- tài nguyên du lịch biển cũng là 1 ưu thế đặc biệt, mở ra triển vọng khai thác tổng hợp để phát triển mạnh
- các tài nguyên khoáng sản khác ven biển cũng là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa. các khoáng sản quan trọng và có tiềm năng lớn ở vùng biển là than, sắt, titan, cát thủy tinh, và các loại vật liệu xây dựng khác
- nguồn lợi hải sản nước ta được đánh giá vào loại phong phú trong khu vực
- nguồn nhân lực dồi dào ven biển là 1 nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định

### Câu 13: Trình bày tóm tắt chính sách và chiến lược của Việt Nam đối với biển, đại dương

A, biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc VN XHCN

- chính sách biển đối với kinh tế, chính trị xã hội
- + biển VN có tiềm năng tài nguyên phong phú , đặc biệt là dầu mỏ , khí đốt và các nguyên liệu chiến lược khác , đảm bảo cho an ninh năng lượng quốc gia , cho đất nước tự chủ hơn trong phát triển kinh tế trong bối cảnh hiện nay. Cùng với đất liền , vùng biển nước ta nằm ở nơi tiếp giáp giữa khu vực đông nam á lục địa và đông nam á hải đảo , một khu vực giàu tài nguyên thiên nhiên , một thị trường có sức mua khá lớn , một vùng kinh tế nhiều thập kỉ phát triển năng động
- + thềm lục địa của VN có rất nhiều bể trầm tích dầu khí và có nhiều triển vọng khai thác nguồn khoáng sản này
- + biển VN nằm ở vị trí có nhiều tuyến đường biển quan trọng của khu vực cũng như của thế giới, giữ 1 vai trò rất lớn trong vận chuyển, lưu thông hàng hóa thương mại phục vụ đắc lực cho xây dựng nền kinh tế của nước ta cũng như của các nước quanh bờ biển đông
- + hệ thống các sông có nhiều cửa thông ra biển thuận lợi cho giao thông đường thủy từ đất liền ra biển và ngược lại. các cửa sông có lượng phù du lớn và rất phong phú đổ ra biển tạo thuận lợi cho việc phát triển nguồn lợi thủy sản
- + tiềm năng nguồn lợi hải sản của nước ta rất lớn nhưng khả năng khai thác còn hạn chế, chỉ mới tập trung vào khai thác ven bờ
- + nước ta có rất nhiều lợi thế về du lịch biển

Biển VN là địa bàn quan trọng để phát triển kinh tế đất nước

- chính sách biển đối với quốc phòng an ninh
- +biển nước ta là 1 không gian chiến lược đặc biệt quan trọng đối với quốc phòng- an ninh của đất nước
- + ở nhiều nơi , núi chạy lan sát biển , tạo thành những địa hình hiểm trở , những vịnh kín, xen lẫn với những bờ biển bằng phẳng, thuận tiện cho việc trú đậu tàu thuyền và chuyển quân bằng đường biển. hệ thống đảo và quần đảo trên biển nước ta cùng với dải đất liền ven biển tạo thuận lợi cho việc xây dựng các căn cứ quân sự, điểm tựa , pháo đài, trạm gác tiêu tiêu, hình thành các tuyến phòng thủ nhiều tầng nhiều lớp , với thế bố trí chiến lược hợp trên bờ, dưới nước , tạo điều kiện thuận lợi để bảo vệ, kiểm soát và làm chủ vùng biển của nước ta
- + sử dụng biển sẽ có nhiều thuận lợi cho việc cơ động chuyển quân và tiếp tế hậu cần , sử dụng vũ khí công nghệ cao từ xa , sử dụng những yếu tố bất ngờ
- chính sách biển trên phương diện pháp lí- chính trị
- + VN quyết tâm cùng cộng đồng quốc tế xây dựng 1 trật tự pháp lí công bằng, khuyến khích sự phát triển và hợp tác trên biển

+ nước ta tổ chức tốt các việc khai thác biển, đặc biệt là dầu khí, hải sản, giao thông vận tải phục vụ quốc tế dân sinh

B, chính sách phát triển kinh tế biển của VN

Với nhiều tiềm năng sẵn có, việc phát triển kinh tế biển nước ta cần tập trung vào:

- huy động và phát huy tốt tất cả các nguồn lực để khai thác tối đa mọi tiềm năng và lợi thế về nhiều mặt của biển, tạo sự chuyển biến cơ bản, toàn diện về kinh tế biển, hướng mạnh về xuất khẩu, góp phần tăng cường khả năng bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển
- tạo bước nhảy vọt trong phát triển kinh tế biển. kết hợp kinh tế ven biển và kinh tế hải đảo theo 1 chương trình liên kết có hiệu quả và hiệu lực cao
- phát triển và hiện đại hóa có trọng tâm, trọng điểm và bước đi thích hợp có tính tới hợp tác quốc tế và hội nhập
- kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với an ninh quốc phòng, và bảo vệ tài nguyên sinh thái, đảm bảo sự phát triển bền vững cả vùng biển, ven biển và các hải đảo

#### **Câu 14: Trình bày thực trạng và giải pháp của Việt Nam trong bảo vệ môi trường và sinh thái biển, đảo**

- thực trạng môi trường và sinh thái biển đảo

+ theo thống kê của tổ chức môi trường thế giới, các nguồn ô nhiễm biển từ đất liền chiếm 50% rò rỉ tự nhiên 11%, phóng xạ hạt nhân 13% hoạt động của tàu thuyền 18% và tai nạn tàu bè trên biển 6%. Ước tính hàng năm có khoảng 2,4 triệu tấn dầu thô đổ ra biển

+ biển VN tuy chưa được xếp vào loại ô nhiễm nghiêm trọng, nhưng cũng được cảnh báo là nguy cơ ô nhiễm cao trong tương lai

+ ô nhiễm biển đảo VN xuất phát từ các ô nhiễm như: chất thải công nghiệp đổ ra từ các cửa sông, ô nhiễm hữu cơ do nuôi trồng hải sản, chất thải của tàu hoạt động trên các tuyến hàng hải quốc tế ngoài hoạt động ngoài khơi VN, tai nạn tràn dầu từ các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí trong nước và ngoài nước, ô nhiễm rác thải do hoạt động du lịch và dân cư ven biển

+ chất lượng môi trường biển và vùng ven biển VN đang tiếp tục suy giảm,

+ từ tháng 12/2006 đến cuối tháng 4/2007, có khoảng 21600 -51800 tấn dầu trôi nổi gây ô nhiễm biển VN từ bắc đến nam

Nhìn chung, biển VN đang đứng trước nguy cơ và thách thức lớn

- giải pháp của VN đối với biển và đại dương  
Chiến lược biển Vn đến năm 2020 đã khẳng định rõ mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển và làm giàu từ biển. để làm được điều đó cần phải có 1 hệ thống giải pháp đồng bộ và phối hợp chặt chẽ trong thực hiện. cụ thể:

- + đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về tài nguyên biển và bảo vệ môi trường biển
- + phát triển khoa học, công nghệ biển
- + xây dựng kết cấu hạ tầng biển gắn với phát triển mạnh các ngành dịch vụ
- + xây dựng các tuyến đường ven biển , trong đó có 1 số đoạn cao tốc và các tuyến vận tải cao tốc trên biển
- + hình thành 1 số lĩnh vực kinh tế mạnh gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển , làm động lực để phát triển kinh tế của đất nước
- Xây dựng tiềm lực kho học, công nghệ biển đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới , phục vụ hiệu quả quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
- Phát triển mạnh hệ thống cảng biển quốc gia , xây dựng đồng bộ 1 số cảng đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế đặc biệt là các cảng nước sâu
- Nâng cao vai trò và năng lực của các cơ quan quản lí nhà nước , xây dựng chính sách và cơ chế cho các ngư dân hoạt động trên biển
- Quan tâm đến an sinh xã hội cho ngư dân vùng duyên hải
- Tổ chức lại sản xuất trên biển theo hướng đánh bắt xa bờ

### **Câu 15: Trình bày nội dung chính sách của chính sách biển và đại dương phát triển theo định hướng kinh tế xanh lam của Việt Nam**

“ kinh tế xanh lam” có 3 đặc trưng cơ bản trong nguyên lí tồn tại và phát triển . đó là kinh tế sạch mang hàm lượng trí tuệ cao . đồng thời là nền kinh tế “ hài hòa” – xanh hóa cho sự phát triển , phát triển để xanh hóa. Bản thân quá trình xanh hóa cũng đã mang lại nhiều giá trị môi trường , xã hội và kinh tế , càng xanh hóa thì lợi ích kinh tế càng cao

Những lợi thế về vị thế , sinh thái, môi trường biển đảo là những điều kiện vô cùng quý giá đáp ứng những nhu cầu phát triển xanh lam ở Vn

Phát triển kinh tế xanh lam ở biển Đông là mô hình kinh tế hiện đại , được tổ chức trong 1 không gian thống nhất, với 3 vành đai không gian đặc trưng:

- trước hết là vùng nội thủy cùng với hệ thống đảo sát bờ , dải đất ven biển chứa nhiều tài nguyên, có giá trị vị thế và nhạy cảm về môi trường , kinh tế, xã hội . mặt khác là vùng căn cứ có vai trò liên kết cung ứng và hậu cần , thị trường đa năng, nguồn lực cho cả không gian phát triển trên biển Đông
- tiếp đó là vùng thềm lục địa cùng với hệ thống các đảo trên thềm lục địa như Bạch Long Vĩ, Côn Đảo, Hòn Khoai, Thổ Chu, Phú Quốc ... giàu tiềm năng và lợi thế so sánh trong phát triển kinh tế biển , kể cả ngành kinh tế có tính nhạy cảm cao. Hệ thống các đảo thềm lục địa là bàn đạp , hậu cần cho vùng khơi xa và là tiền đề trấn giữ vùng nội thủy
- vành đai không gian đặc trưng thứ 3 là không gian biển khơi với vòng cung hệ thống các đảo Hoàng Sa , Trường Sa là vùng có tính chất nhạy cảm quốc tế , có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền , là điểm tựa cho phát triển kinh tế đại dương , khai thác dầu khí, hải sản, vận tải viễn dương và khai thác các tài nguyên biển sâu

mục tiêu chung của quản lí không gian đảo và quần đảo là tối ưu hóa lợi ích kinh tế, văn hóa, xã hội , và chủ quyền thu được từ các đảo và quần đảo

# ABOUT

*Hỗ trợ ôn tập là một dự án phi lợi nhuận hướng tới cộng đồng.*

Với mục đích đem đến kiến thức miễn phí cho tất cả mọi người, chúng tôi sẽ hỗ trợ các bạn tốt nhất trong lĩnh vực giáo dục bằng cách cung cấp cho các bạn tài liệu ôn tập miễn phí, đề cương ôn tập miễn phí.

Các bạn sẽ không cần phải lo về đề cương, về tài liệu, về sách,... Các bạn chỉ việc theo dõi và để lại yêu cầu cho đội nhóm chúng tôi, còn việc tìm kiếm và biên soạn tài liệu đã có chúng tôi lo!!!!

## **Hiện giờ, chúng tôi đang hỗ trợ về**

1. Tài liệu ôn tập tiếng anh FREE.
2. Tài liệu ôn thi đại học FREE
3. Tài liệu ôn thi cấp 3 FREE
4. Đề cương ôn thi chương trình Đại học FREE.
5. Một số tài liệu khác.

## **Liên hệ và kết nối với chúng tôi:**

- ✓ Facebook: [facebook.com/HoTroOnTap](https://facebook.com/HoTroOnTap)
- ✓ Fanpage: [facebook.com/HoTroOnTapPage](https://facebook.com/HoTroOnTapPage)
- ✓ Group: [facebook.com/groups/HoTroOnTapGroup](https://facebook.com/groups/HoTroOnTapGroup)
- ✓ Website: [hotroontap.com](https://hotroontap.com)